

CHÍNH TRỊ - LUẬT**THỦ TỤC TỔ TỤNG
ĐỐI VỚI TỘI PHẠM LIÊN BANG Ở MỸ**

Nguyễn Anh Hùng
Viện Nghiên cứu Châu Mỹ

Thủ tục tố tụng đối với tội phạm liên bang ở Mỹ là toàn bộ tiến trình khởi tố, điều tra, truy tố và xét xử những vụ việc hình sự thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan tư pháp liên bang. Tại Mỹ, cả chính quyền liên bang lẫn chính quyền các tiểu bang đều có quyền tố tụng tội phạm và đều có hệ thống pháp luật, cảnh sát, công tố, tòa án phục vụ công việc này. Tuy nhiên, loại tội phạm cụ thể nào bị tố tụng theo luật của liên bang hoặc luật của các tiểu bang lại phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố riêng biệt.

Theo quy định của pháp luật và thực tiễn áp dụng, những tội phạm do cơ quan liên bang tố tụng thường là các tội phạm về tài chính, gian lận mức độ lớn; buôn bán, vận chuyển ma túy; tội phạm có tổ chức; xâm hại đến quyền lợi liên bang... Ngoài ra, một số loại tội chỉ chính quyền liên bang mới có quyền tố tụng, bao gồm các tội gián điệp, phản quốc, tội phạm trong lĩnh vực hải quan, thuế liên bang. Đặc biệt, với một vài loại tội, để bị tố tụng bởi cơ quan liên bang, phải chứng minh có yếu tố liên bang như sử dụng bưu điện, điện thoại, liên lạc viễn thông, giao thông qua nhiều tiểu bang..., thậm chí phải có quy định trong các hiệp định dẫn độ tội phạm ký kết với nước ngoài.

Khác với chính quyền liên bang, chính quyền các tiểu bang được quyền tố tụng hầu hết mọi loại tội phạm nhằm vào cá nhân (cố ý gây thương tích, giết người...), xâm phạm sở hữu (trộm cắp, cướp giật...),... xảy ra trong chỉ tiểu

bang mình. Còn chính quyền liên bang thì được quyền tố tụng các tội phạm xảy ra trên lãnh thổ Mỹ. Nhìn chung, số vụ việc hình sự mà các tiểu bang giải quyết nhiều hơn hẳn so với liên bang, nhưng thủ tục tố tụng thì ở cấp liên bang lại phức tạp hơn.

1. Quy trình khởi tố và điều tra

Ở Mỹ hiện nay, ngoài một Văn phòng Chương lý liên bang đặt tại Bộ Tư pháp, còn có tổng cộng 93 Văn phòng Chương lý liên bang nữa được đặt ở 93 quận khác nhau thuộc thẩm quyền tài phán của liên bang. Tất cả 93 Văn phòng Chương lý liên bang trên toàn quốc hoạt động độc lập và không phải là cấp dưới của Văn phòng Chương lý liên bang đặt tại Bộ Tư pháp. Mọi Văn phòng Chương lý liên bang đều chịu sự lãnh đạo trực tiếp của Tổng Chương lý liên bang (Attorney General) - hay còn gọi là Tổng Công tố liên bang và đây cũng chính là Bộ trưởng Bộ Tư pháp liên bang.

Khi một trong các cơ quan điều tra khẳng định rằng có đủ chứng cứ về một tội phạm liên bang đã xảy ra, nhân viên điều tra sẽ trình bày những phát hiện của họ tới Văn phòng Chương lý liên bang tại Quận đó. Một trong các trợ lý của Chương lý liên bang sẽ xem xét mọi tình tiết và hỏi lại cơ quan điều tra xem có đủ để kết luận một tội phạm đã xảy ra hay không.

Nếu thấy chứng cứ chưa đủ cấu thành tội phạm, Trợ lý Chương lý liên

bang sẽ yêu cầu cơ quan điều tra tiếp tục cuộc điều tra hoặc quyết định chuyển vụ việc cho Đại bồi thẩm đoàn (Grand Jury) và Đại bồi thẩm đoàn sẽ tiến hành điều tra vụ việc ấy.

Nếu thấy chứng cứ đã đủ, trợ lý Chương lý liên bang sẽ trình bày vụ việc với Đại bồi thẩm đoàn và yêu cầu họ bỏ phiếu thông qua quyết định chính thức khởi tố. Tuy nhiên, trong một số trường hợp, không đủ thời gian để trình bày với Đại bồi thẩm đoàn vì cần bắt giữ ngay người phạm tội, thì trợ lý Chương lý liên bang sẽ yêu cầu toà án ban hành lệnh bắt dựa trên một văn bản đề nghị (có tuyên thệ), trong đó nêu rõ các căn cứ tình tiết, chứng cứ về việc phạm tội của bị can. Sau khi xem xét kỹ lưỡng, thẩm phán thấy rằng đã đủ căn cứ theo yêu cầu về chứng cứ, thì có thể ra lệnh bắt người đó. Nếu lệnh bắt được ban hành theo thủ tục này thì Chương lý liên bang sau đây phải trình bày vụ việc với Đại bồi thẩm đoàn và phải có được quyết định phê chuẩn khởi tố từ Đại bồi thẩm đoàn.

Đại bồi thẩm đoàn bao gồm 16 - 23 thành viên, có trách nhiệm xem xét mọi tình tiết, chứng cứ đưa ra để bỏ phiếu thông qua quyết định khởi tố. Thường thì Đại bồi thẩm đoàn chỉ nghe thông tin từ phía cơ quan của Chính phủ liên bang. Đối tượng của một cuộc điều tra - chẳng hạn, một cá nhân mà cuộc điều tra hướng tới - có thể không bị triệu tập ra trình bày trước Đại bồi thẩm đoàn, nhưng có thể tự nguyện trình bày trước Đại bồi thẩm đoàn (dù thực tế, chuyện này hiếm khi xảy ra).

Theo Hiến pháp Mỹ, người bị khởi tố về tội có mức hình phạt từ 1 năm tù trở lên có quyền được quyết định truy tố bởi Đại bồi thẩm đoàn (tuy nhiên, đối tượng có quyền từ bỏ quyền này và được truy tố theo thủ tục khác). Đại bồi thẩm đoàn không có quyền phán quyết một người nào đó có tội hay vô tội. Việc ấy chỉ được thực hiện tại phiên toà xét xử chính thức ở giai đoạn sau.

Để truy tố một người, ít nhất 12 thành viên trong Đại bồi thẩm đoàn phải nhất trí là có đủ tình tiết, căn cứ chứng tỏ bị can đã phạm tội. Khi Đại bồi thẩm đoàn nghị án, những thành phần như công tố viên, điều tra viên, nhân viên thư ký toà án và tất cả người khác phải rời khỏi phòng của Đại bồi thẩm đoàn.

Công tố viên liên bang không có quyền ra lệnh triệu tập người nào đó đến để khai báo hoặc cung cấp chứng cứ họ đang có, mà Đại bồi thẩm đoàn mới có thẩm quyền ra loại lệnh này. Do vậy, xét về bản chất, Đại bồi thẩm đoàn có thẩm quyền điều tra. Thực tế, các trợ lý Chương lý liên bang và các công tố viên liên bang thường ban hành những lệnh triệu tập nhân danh Đại bồi thẩm đoàn. Còn các Đại bồi thẩm đoàn lại có thể tự ban hành những lệnh triệu tập bổ sung nhân chứng theo ý của mình.

Khi nhân chứng được triệu tập ra trước Đại bồi thẩm đoàn, Trợ lý Chương lý liên bang thường đặt câu hỏi với họ (dù trong nhiều trường hợp, các bồi thẩm viên cũng đặt câu hỏi). Nhân chứng khi trình bày trước Đại bồi thẩm đoàn, cũng như nhân chứng trước phiên toà, có thể không bị bắt buộc phải cung cấp chứng cứ nếu chứng cứ đó có thể dẫn đến việc buộc tội chính mình - quyền này được ghi nhận trong Hiến pháp Mỹ (Điều bổ sung thứ V), gọi là "quyền ưu tiên" hay "nguyên tắc chống tự buộc tội".

Hoạt động của Đại bồi thẩm đoàn được ghi vào biên bản bởi nhân viên đánh máy và được giữ bí mật. Nếu một công tố viên hoặc một bồi thẩm viên có bất kỳ bình luận gì trước công chúng về hoạt động của Đại bồi thẩm đoàn thì sẽ phạm tội hình sự. Công tố viên cũng không được tiết lộ với bất kỳ công tố viên hoặc điều tra viên nào khác - trừ với những người trực tiếp tham gia giải quyết vụ việc - về hoạt động của Đại bồi thẩm đoàn. Thông tin về hoạt động của Đại bồi thẩm đoàn chỉ có thể được tiết

lộ nếu có lệnh của một toà án liên bang (song thực tế, chuyện đó hiếm khi xảy ra). Đương nhiên, những chứng cứ thu được từ Đại bồi thẩm đoàn có thể được sử dụng tại phiên toà xét xử sau này, nếu Đại bồi thẩm đoàn quyết định truy tố. Trong những vụ việc lớn và phức tạp - chẳng hạn, các vụ gian lận tài chính lớn - sự tham gia từ đầu của Đại bồi thẩm đoàn có ý nghĩa, tác dụng rất lớn đối với hoạt động điều tra. Những vụ việc như vậy, điều tra viên và công tố viên cũng sẽ phối hợp làm việc chặt chẽ ngay từ giai đoạn điều tra ban đầu.

2. Quy trình truy tố và bắt giữ

Với loại vụ việc hình sự liên bang, một người có thể bị bắt ngay sau khi Đại bồi thẩm đoàn đã thông qua quyết định khởi tố về một tội. Như đã nêu trên, thẩm phán cũng có thể ra lệnh bắt trước khi có phán quyết thông qua này. Thường thì Chương lý liên bang sẽ đề nghị toà án ra lệnh bắt người có tên trong quyết định truy tố của Đại bồi thẩm đoàn.

Phụ thuộc vào nhiều tình tiết, sau khi bị bắt bị can có thể bị tạm giam hoặc được nộp tiền bảo lãnh để tại ngoại. Những tình tiết này bao gồm nhiều điều kiện: tiền án tiền sự, mức độ nghiêm trọng của vụ án, khả năng bỏ trốn... Thẩm phán sẽ quyết định một người có bị tạm giam hay không và nếu được tại ngoại thì kèm theo ràng buộc gì. Những ràng buộc này bao gồm cả yêu cầu bị can (hoặc người đại diện của bị can) phải đặt bảo lãnh bao nhiêu tiền, tài sản và nếu trốn thì tiền, tài sản ấy sẽ bị tịch thu.

Ngay sau khi bị bắt, bị can sẽ được đưa tới một thẩm phán. Thẩm phán sẽ thông báo với bị can về việc bị buộc tội, truy tố và hỏi bị can có hay không nhận tội đã bị truy tố. Quá trình này được gọi là buộc tội.

3. Quy trình xét xử

Theo Hiến pháp Mỹ, một người bị truy tố về tất cả các tội (trừ tội ít nghiêm trọng)

có quyền được xét xử bởi một bồi thẩm đoàn. Đây là bồi thẩm đoàn có chức năng xét xử, còn gọi là Tiểu bồi thẩm đoàn (Petit Jury). Bồi thẩm đoàn này có 12 thành viên là những công dân bình thường và phải cùng đồng thuận với phán quyết bị cáo có tội hay không. Tại phiên toà, công tố viên phải chứng minh rằng một cá nhân nào đó đã phạm một tội hình sự. Bị cáo không có nghĩa vụ phải khai báo hoặc phải yêu cầu có mặt nhân chứng ủng hộ mình. Trên thực tế, công tố viên bị cấm có bất kỳ bình luận nào về việc bị cáo không khai báo, không thể trả lời và thẩm phán phải thông báo với Tiểu bồi thẩm đoàn rằng việc bị cáo im lặng không được coi là bị cáo phạm tội. Trái lại, nếu bị cáo quyết định khai báo thì sẽ phải tuyên thệ và nếu khai báo gian dối thì sẽ bị truy tố (thêm) về tội khai báo gian dối như bất kỳ nhân chứng nào.

Tại phiên toà có Tiểu bồi thẩm đoàn, Tiểu bồi thẩm đoàn sẽ xác định chứng cứ nêu ra liệu có đủ thuyết phục để kết tội bị cáo hay không. Tiểu bồi thẩm đoàn khi quyết định chỉ được dựa trên các tình tiết, chứng cứ được trình bày tại phiên toà. Nếu Tiểu bồi thẩm đoàn có quan điểm riêng là một người nào đó đã phạm tội (như đã truy tố), nhưng lại xác định rằng chứng cứ của công tố viên nêu ra tại toà chưa đủ cơ sở để chứng minh bị cáo phạm tội, thì Tiểu bồi thẩm đoàn phải tuyên vô tội cho bị cáo.

Thẩm phán chủ toạ điều khiển phiên toà và quyết định những vấn đề về pháp lý, bao gồm cả việc có chấp nhận một chứng cứ nào đó hay không - ví dụ, quyết định một chứng cứ nào đó có thể được trình bày trước Tiểu bồi thẩm đoàn hay không. Thẩm phán cũng hướng dẫn Tiểu bồi thẩm đoàn về các nguyên tắc pháp luật áp dụng trong vụ việc để quyết định bị cáo có tội hay vô tội.

Bị cáo có quyền từ bỏ quyền được xét xử bởi Tiểu bồi thẩm đoàn. Thẩm phán khi ấy sẽ có vai trò của người "xét xử các tình tiết thực tế" và quyết định với những

chứng cứ được trình bày đã đủ để cho rằng bị cáo có phạm tội hay không.

Thẩm phán được quyền và thỉnh thoảng đặt câu hỏi với nhân chứng. Tuy nhiên, việc đặt câu hỏi với nhân chứng là trách nhiệm đầu tiên và cơ bản của công tố viên và luật sư bào chữa. Công tố viên, luật sư bào chữa đặt ra hầu hết mọi câu hỏi với nhân chứng.

Một nhân viên toà án sẽ ghi chép lại nguyên văn mọi lời nói, câu hỏi đáp tại phiên toà giữa luật sư, công tố viên, thẩm phán và nhân chứng. Những ghi chép này bao gồm cả các đối thoại, tranh luận giữa công tố viên và luật sư bào chữa tại phòng riêng trước thẩm phán - mà không có sự hiện diện của Tiểu bồi thẩm đoàn - về các vấn đề luật pháp liên quan, chẳng hạn, tranh luận về một chứng cứ có được chấp nhận và được đưa ra tại phòng xét xử chính thức hay không.

Hầu hết mọi vụ việc hình sự ở Mỹ, trước khi xét xử (thậm chí ngay tại phiên xử), được giải quyết theo thủ tục bị cáo nhận tội. Thường thì việc nhận tội của bị cáo có được sau khi có thương lượng giữa luật sư đại diện cho bị cáo với công tố viên. Thủ tục này được gọi là "thoả thuận (thứ) nhận tội". Theo đó, bị cáo thường thông qua luật sư, đồng ý nhận tội với một hay tất cả các tội mà công tố viên buộc tội để đổi lại một số xử sự nhất định của công tố viên. Công tố viên có thể đồng ý không truy tố một hay một số tội danh đã khởi tố, buộc tội, hoặc thậm chí sẽ đưa ra đề nghị với thẩm phán về mức án, hoặc không phản đối mức án mà luật sư bào chữa đưa ra. Thoả thuận của công tố viên với phía bị cáo có hiệu lực pháp lý trên toàn liên bang. Là một phần của thoả thuận nhận tội, bị cáo có thể đồng ý khai sự thật về các tội phạm mà bị cáo biết được. Do vậy, công tố viên có thể sử dụng thoả thuận nhận tội để lấy được lời khai

trong vụ việc, nhằm có chứng cứ tố tội những kẻ phạm tội nghiêm trọng hơn.

Thoả thuận nhận tội phải được lập trước một thẩm phán. Một nhân viên toà án sẽ viết biên bản về tất cả mọi điều nêu ra trong khi thoả thuận. Trước khi chấp thuận thoả thuận này, thẩm phán sẽ đặt câu hỏi với bị cáo tại một phiên xét xử công khai để đảm bảo rằng bị cáo hiểu biết về quyền của mình không phải nhận tội và có quyền yêu cầu một phiên xét xử chính thức; rằng bị cáo nhận tội hoàn toàn tự nguyện, hiểu biết mọi điều khoản trong thoả thuận nhận tội và hậu quả của việc nhận tội; rằng bị cáo không bị ép buộc hay bị hứa hẹn, lừa dối trái pháp luật từ phía công tố; và rằng, có cơ sở thực tế của thoả thuận nhận tội. Nếu thẩm phán bất đồng, không thoả mãn với trả lời từ phía bị cáo, thẩm phán sẽ không chấp nhận lời nhận tội của bị cáo.

Nếu bị cáo bị tuyên có tội, trách nhiệm của thẩm phán chủ tọa là quyết định hình phạt. Bị cáo bị kết tội có quyền kháng cáo phúc thẩm lên toà phúc thẩm liên bang ở khu vực đó. Nếu bị cáo được tuyên vô tội và được trả tự do, công tố viên không có quyền kháng nghị phúc thẩm. Thông thường, bị cáo có thể kháng cáo về hình phạt đã tuyên. Công tố viên và bị cáo phải quyết định yêu cầu đoạn biên bản phiên toà nào và chứng cứ nào từng được xem xét tại toà (sơ thẩm liên bang) cần được toà phúc thẩm liên bang xem lại. Không có chứng cứ mới nào được phép trình ra toà phúc thẩm liên bang ■

Tài liệu tham khảo:

1. <http://usinfo.state.gov>
2. <http://www.justice.gov>
3. <http://www.oas.org>
4. <http://www.ijis.org>
5. <http://www.elaw.org>